9. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 6 tháng

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Thực hiện 5 tháng năm 2013	Ước tính tháng 6/2013	Cộng dồn 6 tháng đầu năm 2013	Tháng 6/2013 so với tháng 5/2013 (%)	6 tháng đầu năm 2013 so với cùng kỳ năm 2012 (%)
Tinh bột sắn	Tấn	380.467	61.631	442.098	109,64	104,49
Đường các loại	Tấn	112.906	_	112.906	_	125,77
Quần áo các loại	1000 Cái	50.832	11.039	61.871	110,14	148,90
Giầy các loại	1000 Đôi	11.771	2.872	14.643	89,30	169,07
Võ, ruột xe các loại	1000 Cái	11.086	2.569	13.655	101,86	100,14
Clanke Poolan	Tấn	423.429	76.000	499.429	100,76	114,35
Xi măng	Tấn	236.993	50.000	286.993	101,01	85,99
Điện thương phẩm	Triệu Kwh	577	117	694	104,46	109,65
Nước máy thương phẩm	1000 M^3	2.987	578	3.565	97,80	110,63
Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại không thể tái chế	Triệu Đồng	16.720	1.571	18.291	100,00	157,65